

# CẨM NANG

## HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

*TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ*



## **LỜI NÓI ĐẦU**

Ngày 20/6/2017 tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 với tỷ lệ 100% đại biểu có mặt tán thành. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Để Luật Trợ giúp pháp lý đi vào cuộc sống, công tác triển khai thi hành Luật đã được tiến hành sâu rộng từ Trung ương đến địa phương, trong đó có việc ban hành các văn bản quy định chi tiết. Sau gần 01 năm triển khai thực hiện Luật, công tác trợ giúp pháp lý đã chuyển trọng tâm vào việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý nhằm cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý kịp thời, có chất lượng cho người được trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, một số địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các quy định về người thực hiện trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý và nghiệp vụ trợ giúp pháp lý... Do đó, cần có sự hướng dẫn cụ thể, thống nhất cho các địa phương trong quá trình thực hiện các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết.

Để giúp cho các tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý thuận lợi trong việc áp dụng các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, Cục Trợ giúp pháp lý đã nghiên cứu xây dựng cuốn “Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý” gồm 4 phần (phần 1 về người thực hiện trợ giúp pháp lý, phần 2 về người được trợ giúp pháp lý, phần 3 về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và phần 4 về trợ giúp pháp lý cho người chưa thành niên). Phần 4 “Quy trình trợ giúp pháp lý thân thiện cho người dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý” được xây dựng, hoàn thiện với sự hỗ trợ giúp đỡ của UNICEF. Cuốn cẩm nang này sẽ là tài liệu quan trọng giúp cho các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý tham khảo triển khai thực hiện các quy định của Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết được thống nhất, đồng bộ.

Với đội ngũ chuyên gia là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, nội dung cuốn cẩm nang được nghiên cứu, xây dựng theo hướng bám sát các quy định của Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết, diễn giải và đưa ra các lưu ý cho địa phương cụ thể, sát với thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện. Hy vọng cuốn cẩm nang này sẽ góp phần nâng cao năng lực đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý trong toàn quốc.

## **CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

---

# PHẦN 4

---

## **QUY TRÌNH TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THÂN THIỆN CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THUỘC DIỆN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

---

---

## I. KHUNG PHÁP LÝ VỀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

### 1. Trẻ em và quyền của trẻ em theo quy định của Công ước quốc tế về quyền trẻ em

Công ước quốc tế về quyền trẻ em không sử dụng cụm từ “Người chưa thành niên” hoặc “Người dưới 18 tuổi” mà sử dụng cụm thống nhất cụm từ “trẻ em” để chỉ những người dưới 18 tuổi. Theo Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em năm 1989, thì “Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em được xác định là người dưới 18 tuổi, trừ khi pháp luật áp dụng quy định tuổi thành niên sớm hơn” (Điều 1 Công ước). Hiện có 196 nước (trừ Hoa Kỳ) đã phê chuẩn công ước này. Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tại Việt Nam, tính đến thời điểm đầu năm 2015, trong số 66 quốc gia có được thông tin về độ tuổi trẻ em, có 10 quốc gia quy định độ tuổi trẻ em khác với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, trong đó có 2 quốc gia quy định độ tuổi 21 là Cameroon và Bờ Biển Ngà, 3 nước quy định tuổi dưới 17; 5 nước quy định độ tuổi dưới 16 tuổi (trong đó có Việt Nam). Campuchia và Lào quy định tuổi trẻ em dưới 18 tuổi tương tự như quy định của Công ước.

Công ước nêu bật bốn nguyên tắc cơ bản về quyền trẻ em, bao gồm:

- Dành những lợi ích đẹp nhất cho trẻ em.
- Trẻ em có quyền xác lập, thể hiện ý kiến riêng của mình và quyền đó phải được tôn trọng.
- Không phân biệt đối xử trong việc đảm bảo thực hiện tất cả các quyền trẻ em.
- Được sống và được phát triển.

Trên cơ sở 4 nguyên tắc cơ bản trên, Công ước xác định 4 nhóm quyền đối với trẻ em; bao gồm: quyền được Sống - được Bảo vệ - được Phát triển - được Tham gia.

- **Quyền sống còn:** đây là quyền cơ bản nhất của con người, bao gồm quyền được sống và được chăm sóc sức khỏe và y tế ở mức cao nhất có thể được. Các điều khoản của công ước thuộc nhóm quyền sống còn của trẻ em: Điều 6, 7, 8, 9, 19, 20, 21, 23, 24, 26, 27, 30, 32, 33, 34, 35 và Điều 38.

- **Quyền được bảo vệ:** bao gồm việc bảo vệ trẻ em thoát khỏi mọi phân biệt đối xử, lạm dụng hay bỏ mặc, bảo vệ trẻ em không có gia đình cũng như bảo vệ trẻ em trong các tình huống đặc biệt. Các điều khoản thuộc nhóm quyền bảo vệ: Bảo vệ trẻ em khỏi sự phân biệt đối xử (các điều 2, 7, 23 và 30); Bảo vệ trẻ em khỏi sự bóc lột và lạm dụng (các điều 10, 11, 16, 19, 20, 21, 25, 32, 33,

34, 35, 36, 37, 39 và 40); Bảo vệ trẻ em trong những trường hợp khủng hoảng và khẩn cấp (các điều 10, 22, 25, 38 và 39).

- **Quyền phát triển:** bao gồm mọi hình thức giáo dục (chính thức hoặc không chính thức) và quyền được có mức sống đầy đủ cho sự phát triển về thể lực, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội của trẻ em. Các điều khoản trong công ước liên quan đến quyền phát triển của trẻ em: Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 24, 28, 29 và 31.

- **Quyền tham gia:** bao gồm quyền của trẻ được bày tỏ quan điểm của mình trong mọi vấn đề liên quan đến bản thân. Các điều khoản trong công ước liên quan đến quyền tham gia của trẻ em: Điều 12, 13, 14, 15, 17.

## **2. Quy định của pháp luật Việt Nam về người dưới 18 tuổi**

Pháp luật Việt Nam hiện hành không đưa ra một khái niệm thống nhất hoặc sử dụng thống nhất một khái niệm đối với người dưới 18 tuổi. Theo Luật trẻ em 2016 thì “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”. Tuy nhiên, Điều 21 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi”. Mặt khác, Bộ Luật hình sự 2015, Bộ Luật tố tụng hình sự, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 không sử dụng khái niệm “người chưa thành niên” mà đưa ra khái niệm “người dưới 18 tuổi” đồng thời quy định trách nhiệm hình sự, hành chính đối với các lứa tuổi khác nhau.

Theo Điều 1 Luật Thanh niên 2005: Thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi. Luật cũng khẳng định “Nhà nước thực hiện Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn áp dụng đối với thanh niên từ đủ mười sáu tuổi đến dưới mười tám tuổi phù hợp với điều kiện của Việt Nam” (Điều 31 Luật Thanh niên).

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 sử dụng cụm từ “trẻ em” và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị buộc tội hoặc bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính... Vì vậy, trong phạm vi trợ giúp pháp lý, cuốn tài liệu này sử dụng thống nhất cụm từ “Người dưới 18 tuổi” để bao hàm cả trẻ em và người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Quyền và nghĩa vụ của người dưới 18 tuổi tùy thuộc vào quan hệ pháp luật mà người dưới 18 tuổi tham gia. Việc nắm vững các khái niệm và đặc thù của người dưới 18 tuổi nêu trên là hết sức quan trọng vì nó liên quan đến việc xác định năng lực hành vi dân sự tham gia vào các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, hành chính và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi.

### **2.1. Trẻ em và quyền trẻ em theo pháp luật Việt Nam**

Điều 1 Luật Trẻ em 2016 quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 và Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Luật trẻ em quy định 25 nhóm quyền của trẻ em như quyền sống; quyền bí mật đời sống riêng tư; quyền được sống chung với cha, mẹ; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, không bị bóc lột sức lao động, không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, không bị mua, bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được đảm bảo an sinh xã hội; quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội; quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn... Các bổn phận của trẻ em đối với gia đình, nhà trường, cộng đồng, đất nước và chính bản thân các em cũng được quy định trong Luật Trẻ em, phù hợp với chế định về nghĩa vụ công dân của Hiến pháp năm 2013, Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng và phù hợp với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng con người Việt Nam trong bối cảnh mới.

- *Quyền sống*: Trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các Điều kiện sống và phát triển.

- *Quyền được khai sinh và có quốc tịch*: Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật.

- *Quyền được chăm sóc sức khỏe*: Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.

- *Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng*: Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện.

- *Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu*: Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh.

- *Quyền vui chơi, giải trí*: Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.

- *Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc*: Trẻ em có quyền được tôn trọng đặc Diểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc; được thừa nhận các quan hệ gia đình; Trẻ em có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.

- *Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo:* Trẻ em có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào và phải được bảo đảm an toàn, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

- *Quyền về tài sản:* Trẻ em có quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật.

- *Quyền bí mật đời sống riêng tư:* Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.

- *Quyền được sống chung với cha, mẹ:* Trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; Khi phải cách ly cha, mẹ, trẻ em được trợ giúp để duy trì mối liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ, gia đình, trừ trường hợp không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

- *Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ:* Trẻ em có quyền được biết cha đẻ, mẹ đẻ, trừ trường hợp ảnh hưởng đến lợi ích tốt nhất của trẻ em; được duy trì mối liên hệ hoặc tiếp xúc với cả cha và mẹ khi trẻ em, cha, mẹ cư trú ở các quốc gia khác nhau hoặc khi bị giam giữ, trục xuất; được tạo Điều kiện thuận lợi cho việc xuất cảnh, nhập cảnh để đoàn tụ với cha, mẹ; được bảo vệ không bị đưa ra nước ngoài trái quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin khi cha, mẹ bị mất tích.

- *Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi:* Trẻ em được chăm sóc thay thế khi không còn cha mẹ; không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em; Trẻ em được nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

- *Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục:* Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị xâm hại tình dục.

- *Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động:* Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.



- *Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc:* Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.

- *Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt:* Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt.

- *Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy:* Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức sử dụng, sản xuất, vận chuyển, mua, bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.

- *Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính:* Trẻ em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm quyền được bào chữa và tự bào chữa, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được trợ giúp pháp lý, được trình bày ý kiến, không bị tước quyền tự do trái pháp luật; không bị tra tấn, truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, gây áp lực về tâm lý và các hình thức xâm hại khác.

- *Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang:* Trẻ em có quyền được ưu tiên bảo vệ, trợ giúp dưới mọi hình thức để thoát khỏi tác động của thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang.

- *Quyền được bảo đảm an sinh xã hội:* Trẻ em là công dân Việt Nam được bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của pháp luật phù hợp với Điều kiện kinh tế - xã hội nơi trẻ em sinh sống và Điều kiện của cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em.

- *Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội:* Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp; có quyền tìm kiếm, thu nhận các thông tin dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật và được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em.

- *Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp:* Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng.

- *Quyền của trẻ em khuyết tật:* Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội.

- *Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn:* Trẻ em không quốc tịch cư trú tại Việt Nam, trẻ em lánh nạn, tị nạn được bảo vệ và hỗ trợ nhân đạo, được tìm kiếm cha, mẹ, gia đình theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- *Bổn phận của trẻ em đối với gia đình:* Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ; Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

- *Bổn phận của trẻ em đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác:* Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác; Thương yêu, đoàn kết, chia sẻ khó khăn, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè. Rèn luyện đạo đức, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục khác; Giữ gìn, bảo vệ tài sản và chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.

- *Bổn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội:* Tôn trọng, lễ phép với người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ, người gặp hoàn cảnh khó khăn phù hợp với khả năng, sức khỏe, độ tuổi của mình; Tôn trọng quyền, danh dự, nhân phẩm của người khác; chấp hành quy định về an toàn giao thông và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ, giữ gìn, sử dụng tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường phù hợp với khả năng và độ tuổi của trẻ em; Phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật.

- *Bổn phận của trẻ em đối với quê hương, đất nước:* Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng truyền thống lịch sử dân tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước; Tuân thủ và chấp hành pháp luật; đoàn kết, hợp tác, giao lưu với bạn bè, trẻ em quốc tế phù hợp với độ tuổi và từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

- *Bổn phận của trẻ em với bản thân:* Có trách nhiệm với bản thân; không hủy hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân; Sống trung thực, khiêm tốn; giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể; Chăm chỉ học tập, không tự ý bỏ học, không rời bỏ gia đình sống lang thang; Không đánh bạc; không mua, bán,

sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác; Không sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy; không sử dụng đồ chơi hoặc chơi trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.

## **2.2. Các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến người dưới 18 tuổi**

### **MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN**

- Hiến pháp 2013
- Bộ luật Dân sự 2015
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014
- Luật Trẻ em năm 2016
- Luật Thanh niên năm 2005
- Bộ luật Hình sự năm 2015
- Luật Hộ tịch năm 2014
- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015
- Bộ luật Lao động năm 2012
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012

**a) Hiến pháp 2013** quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn; có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc, mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

#### **b) Pháp luật dân sự**

Bên cạnh việc quy định mọi cá nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản, Bộ luật dân sự 2015 còn quy định rõ năng lực chủ thể của

người chưa thành niên (dưới 18 tuổi). Ngoài ra, Bộ Luật dân sự 2015 cũng quy định các quyền về nhân thân của người chưa thành niên như quyền được giám hộ, quyền có nơi cư trú, quyền thừa kế... Bộ Luật dân sự cũng thừa nhận Trẻ em có quyền có tài sản, quyền thừa kế theo quy định của pháp luật. Tài sản riêng của trẻ em bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của trẻ em, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của trẻ em và thu nhập hợp pháp khác. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của trẻ em cũng là tài sản riêng của trẻ em. Cha mẹ có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo quản lý, bảo vệ, định đoạt tài sản riêng của trẻ em.

Bộ Luật Tố tụng dân sự bảo vệ quyền trẻ em thông qua các quy định riêng đối với người dưới 18 tuổi khi tham gia các quan hệ tố tụng dân sự. Đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự thì Thẩm phán, Thẩm tra viên được Chánh án Tòa án phân công phải thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán có thể tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án...

### **c) Lĩnh vực hộ tịch**

Luật hộ tịch quy định rõ việc đăng ký khai sinh cho trẻ em không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm. Những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đăng ký khai sinh cho trẻ em. Nhà nước đảm bảo quyền được đăng ký khai sinh cho trẻ em.

### **d) Lĩnh vực hôn nhân gia đình**

Luật hôn nhân gia đình chú trọng đến nhóm người chưa thành niên, đặc biệt là trẻ em thông qua các quy định hạn chế phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội; Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên; Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự; Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên; Hạn chế quyền chia tài sản chung khi ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của gia đình; quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên,

con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;...

#### **d) Lĩnh vực lao động**

Bộ luật lao động 2012 có quy định riêng đối với lao động chưa thành niên (từ điều 161 - điều 165 mục 1 Chương XI) và Quy định xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm quy định của Bộ luật lao động về lao động chưa thành niên. Ngoài ra pháp luật lao động còn có những quy định nhằm hạn chế lạm dụng lao động là người chưa thành niên như: cấm nhận lao động là trẻ em dưới 13 tuổi và chỉ cho phép người sử dụng lao động sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ lao động thương binh - xã hội quy định.

#### **e) Lĩnh vực hình sự**

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định rõ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi: Người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng trong một số tội danh. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Ngoài ra, Bộ luật hình sự có chính sách hình sự riêng đối với người dưới 18 tuổi nhằm bảo vệ người dưới 18 tuổi khi họ là đối tượng bị tội phạm xâm hại, đồng thời cũng quy định trách nhiệm hình sự nhưng theo hướng giảm nhẹ đối với người dưới 18 tuổi khi họ chính là người thực hiện tội phạm.

Bộ Luật tố tụng hình sự có quy định cụ thể về việc chỉ định người bào chữa trong trường hợp Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi; quy định thủ tục tố tụng riêng đối với người dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi, bảo vệ lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi.

#### **g) Xử phạt hành chính**

Pháp luật xử phạt vi phạm hành chính quy định rõ ngưỡng tuổi bị phạt vi phạm hành chính. Theo đó, người dưới 14 tuổi bị phạt vi phạm hành chính, Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.

Ngoài ra, người dưới 18 tuổi vi phạm có thể bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục

bắt buộc. Tuy nhiên, pháp luật xử phạt vi phạm hành chính cũng quy định xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong quá trình xem xét xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng chỉ được áp dụng khi xét thấy không có biện pháp xử lý khác phù hợp hơn.

## **II. QUY TRÌNH TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THÂN THIỆN CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THUỘC DIỆN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

### **1. Người dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý**

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, tất cả trẻ em thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Đối với các đối tượng khác nêu tại điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 có độ tuổi dưới 18 tuổi và thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhóm người dưới 18 tuổi là con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam, người khuyết tật, nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình, nạn nhân của hành vi mua bán người, người nhiễm HIV... có khó khăn về tài chính thì cũng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

### **2. Giấy tờ chứng minh người dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý**

Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý là một trong những giấy tờ quan trọng mà người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải xuất trình khi yêu cầu trợ giúp pháp lý để được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý xem xét, thụ lý vụ việc. Giấy tờ chứng minh đối với người dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý cụ thể như sau:

#### **2.1. Giấy tờ chứng minh là trẻ em**

Trẻ em hoặc người thân thích, người đại diện hợp pháp của trẻ em cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây<sup>1</sup>:

- Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là trẻ em.

---

<sup>1</sup>: Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.

## ***2.2. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi***

Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi yêu cầu trợ giúp pháp lý cần xuất trình văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong đó, các văn bản do cơ quan tiến hành tố tụng có chứa các thông tin về độ tuổi của người được trợ giúp pháp lý, các văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng như: Quyết định tạm giam, tạm giữ; Quyết định Điều tra; Quyết định truy tố; Quyết định khởi tố bị can; Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Bản án sơ thẩm...

***Ví dụ:*** Một người sinh từ 01/01/2000 đến 01/01/2016 là người từ đủ 16 tuổi và nếu hành vi phạm tội được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2016 đến 30/12/2017 thì người này được xác định là người bị buộc tội theo độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

## ***2.3. Giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý của người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính***

Ngoài văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự, khi yêu cầu trợ giúp pháp lý cần xuất trình các giấy tờ chứng minh có khó khăn về tài chính, bao gồm: Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội.

## **3. Một số quy tắc chung khi trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi**

### ***a) Không phân biệt đối xử***

- Bảo đảm người dưới 18 tuổi được đối xử công bằng, bình đẳng, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo hay tín ngưỡng hay những vấn đề khác. Điều đòi hỏi người thực hiện trợ giúp pháp lý cần phải thể hiện qua thái độ, lời nói, cử chỉ không chỉ ở giai đoạn thụ lý vụ việc mà còn trong suốt quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Hỗ trợ kịp thời đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ em là người khuyết tật, trẻ em là người dân tộc thiểu số...) trong trợ giúp pháp lý cũng như trong quá trình thực hiện vụ việc.

- Tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi có thể tiếp cận dễ dàng đối với hoạt động trợ giúp pháp lý, đặc biệt là những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khi yêu cầu trợ giúp pháp lý và quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý.

### ***b) Bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi.***

- Lợi ích của người dưới 18 tuổi được đặt ở vị trí trung tâm trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho họ.

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi phải có hiểu biết về tâm lý, sự phát triển của người dưới 18 tuổi; có kiến thức tổng thể về những vấn đề có thể xảy ra với trẻ trong quá trình giải quyết vụ việc.

- Tạo điều kiện tốt nhất, thuận lợi nhất để người dưới 18 tuổi có thể tiếp cận được với dịch vụ trợ giúp pháp lý cũng như được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi.

- Các vụ việc liên quan đến người dưới 18 tuổi cần phải ưu tiên thực hiện.

- Thực hiện các biện pháp toàn diện (sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi.

### ***c) Bảo đảm quyền tham gia của người dưới 18 tuổi***

- Người dưới 18 tuổi được tham gia trong tất cả các giai đoạn trong quá trình giải quyết vụ việc (có sự tham gia của người giám hộ).

- Người dưới 18 tuổi được đưa ra những quan điểm riêng trong quá trình giải quyết vụ việc của mình.

- Bảo đảm những quan điểm, cảm xúc của người dưới 18 tuổi được thông tin đến những cơ quan có liên quan như tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra một cách rõ ràng nhất.

- Bảo đảm trong quá trình tố tụng ý kiến của người dưới 18 tuổi được lắng nghe và trình tự tố tụng được tiến hành một cách thân thiện với người dưới 18 tuổi.

### ***d) Ưu tiên thực hiện các vụ việc liên quan đến người dưới 18 tuổi và sự tham gia của gia đình, người thân của người dưới 18 tuổi***

- Người dưới 18 tuổi được cung cấp các thông tin đáng tin cậy trong cả quá trình giải quyết vụ việc để người dưới 18 tuổi có thể tham gia một cách có hiệu quả và tôn trọng mong muốn của người dưới 18 tuổi; (ví dụ: sự giúp đỡ của



người thực hiện trợ giúp pháp lý được thể hiện như thế nào, các bước cần phải thực hiện khi tham gia tố tụng, nhưng vẫn đề có thể gặp phải trong quá trình giải quyết ...).

- Ưu tiên tiếp nhận, thụ lý, thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dưới 18 tuổi khi họ đến yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Bảo đảm trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý luôn có sự tham gia của bố mẹ hay người giám hộ của người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi chứ không phải cho thành viên gia đình và xây dựng mối quan hệ hợp tác và hỗ trợ với gia đình người dưới 18 tuổi. Trong trường hợp lợi ích của bố mẹ và trẻ em xung đột thì nên yêu cầu có người đại diện độc lập để đưa ra các quan điểm và lợi ích của trẻ em.

***đ) Bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan liên quan (Thẩm phán, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người làm công tác xã hội,..) trong thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi***

- Trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý, bảo đảm có sự phối hợp và có sự trao đổi thông tin về vụ việc, về người dưới 18 tuổi

- Thúc đẩy những quan điểm và ý kiến của người dưới 18 tuổi với những người có thẩm quyền và bảo đảm giữ bí mật thông tin cho người dưới 18 tuổi.

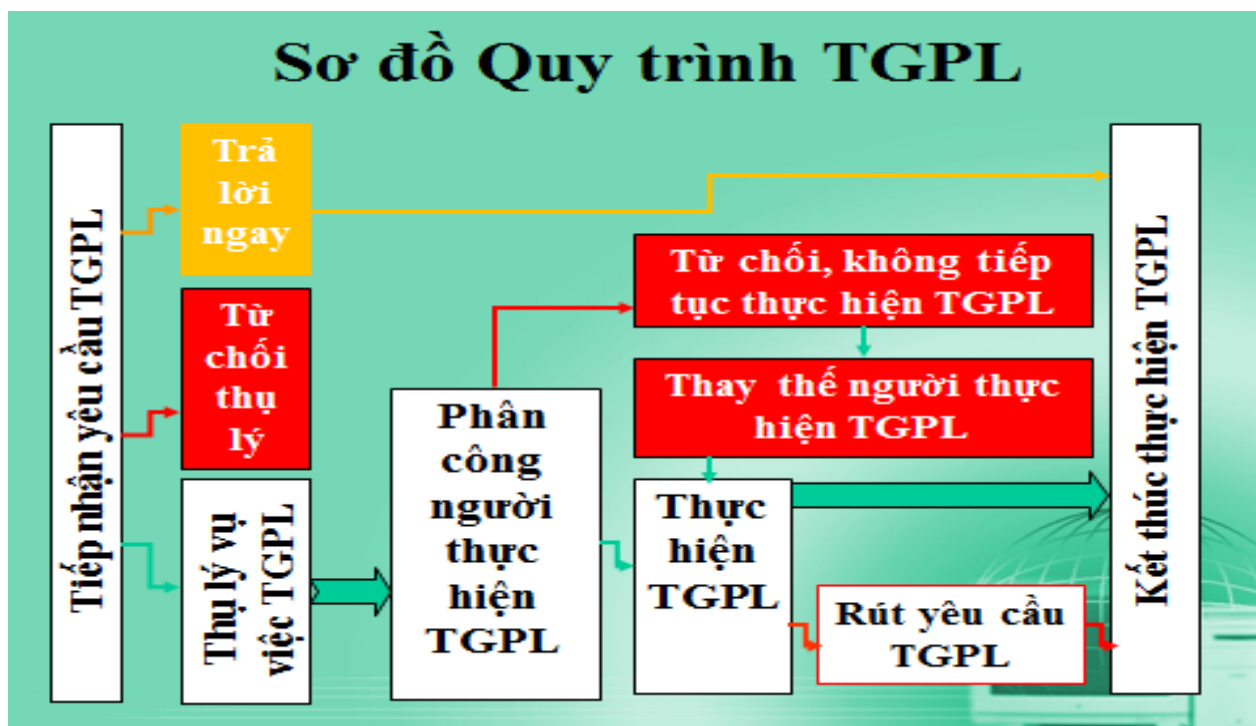
***e) Bảo đảm quyền riêng tư của người dưới 18 tuổi***

- Bố trí địa điểm tiếp người dưới 18 tuổi, không gian xét xử thân thiện, trong trường hợp đặc biệt thì tiến hành xét xử kín (trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán).

- Trong quá trình làm việc với người dưới 18 tuổi, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm thông tin về vụ việc của người dưới 18 tuổi không bị tiết lộ.

- Những nhận định đưa ra không được tiết lộ nhân thân của người dưới 18 tuổi.

#### 4. Sơ đồ Quy trình trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý



#### 5. Quy trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý

##### 4. Tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dưới 18

##### a) Địa điểm tiếp người được trợ giúp pháp lý

##### Điều 2 Thông tư số 12/2018/TT-BTP

1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm bố trí địa điểm thuận lợi cho người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và trình bày yêu cầu trợ giúp pháp lý. Trong trường hợp nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý cần được giữ bí mật thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bố trí địa điểm phù hợp.
2. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm phân công cán bộ tiếp người được trợ giúp pháp lý trong giờ làm việc.

**Yêu cầu:** Tạo môi trường thân thiện, riêng tư để người dưới 18 tuổi tiếp cận và trình bày yêu cầu trợ giúp pháp lý.

### **Các biện pháp mà Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể áp dụng**

- Bố trí địa điểm thuận lợi, dễ tiếp cận cho người có yêu cầu trợ giúp pháp lý, cần chú ý đến những người có nhu cầu đặc biệt như người khuyết tật...;
- Địa điểm tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý cần có bảng niêm yết về các giấy tờ cần nộp để chứng minh đủ điều kiện trợ giúp pháp lý;
- Nếu người dưới 18 tuổi có yêu cầu được tiếp riêng hoặc nhận thấy nội dung yêu cầu có tính chất nhạy cảm,... người tiếp nhận yêu cầu bố trí địa điểm tiếp phù hợp nhằm giúp họ dễ dàng trình bày yêu cầu và các thông tin liên quan;
- Hạn chế sự có mặt của những người không liên quan khi tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dưới 18 tuổi;
- Ưu tiên tiếp người được trợ giúp pháp lý là người dưới 18 tuổi;
- Bố trí người có kinh nghiệm hoặc kỹ năng giao tiếp với người dưới 18 tuổi để tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý của họ.

#### ***b) Tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý, kiểm tra điều kiện thụ lý***

#### **Khoản 2 Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý 2017**

2. Việc nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

Trường hợp người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn;

b) Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này, bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

c) Trường hợp gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử, khi gặp người thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

#### **Khoản 2 Điều 30 trợ giúp pháp lý 2017**

2. Người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.

## **Yêu cầu:**

Bảo đảm người dưới 18 tuổi được tạo điều kiện tốt nhất khi nộp yêu cầu trợ giúp pháp lý.

*Đối với người tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý:*

- Tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi trình bày vướng mắc pháp luật và yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Không phân biệt đối xử (*việc không phân biệt đối xử được thực hiện xuyên suốt quá trình trợ giúp pháp lý*);

- Người dưới 18 tuổi được cung cấp, hướng dẫn thông tin tối đa trong quá trình tiếp;

- Bảo đảm ngay từ ban đầu, người tiếp nhận yêu cầu cần trả lời, cung cấp thông tin cho người dưới 18 tuổi theo đúng quy định của pháp luật về đối tượng, phạm vi, hình thức lĩnh vực,...

*\* Tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý được nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý:*

### **Các biện pháp mà người tiếp nhận yêu cầu có thể lưu ý áp dụng:**

→ *Đối với trường hợp người dưới 18 tuổi tự mình yêu cầu trợ giúp pháp lý:*

- Tạo tâm lý thoải mái, tránh ngại ngùng cho người dưới 18 tuổi, tránh nhiều người biết chuyện của họ nếu họ không muốn;

- Bảo đảm cho người dưới 18 tuổi cảm thấy tin tưởng, thoải mái khi trình bày nội dung, yêu cầu được dễ dàng.

- *Trong giao tiếp:*

+ Hiểu đặc trưng tâm lý lứa tuổi của trẻ theo nhóm đối tượng, độ tuổi để có ứng xử phù hợp:

+ Dùng tình cảm chân thành; không thương hại, né tránh;

+ Không khinh ghét, thị uy; tôn trọng tự do và nhu cầu của trẻ;

+ Chú ý điểm mạnh của trẻ; không hứa những việc không thể thực hiện được; không để trẻ mất lòng tin;

+ Không bày tỏ thái độ, quan điểm cá nhân; không đứng về một bên để bên vực và chê trách người dưới 18 tuổi; không giảng đạo đức xã hội;

+ Nếu người dưới 18 tuổi tỏ ra ngại ngùng, không thoải mái thì người trợ giúp pháp lý có thể chủ động “phá băng” bằng cách đặt những câu hỏi đơn giản về sở thích, thói quen hàng ngày của người dưới 18 tuổi, v.v;

+ Hãy khuyến khích người dưới 18 tuổi nói, còn mình thì lắng nghe, không ngắt lời;

+ Đề ý đến thái độ, cử chỉ, “ngôn ngữ cơ thể” của người dưới 18 tuổi để có cách ứng xử thích ứng.

- *Trong kiểm tra điều kiện thụ lý:*

+ Đọc đơn yêu cầu để hiểu rõ yêu cầu trợ giúp pháp lý, mong muốn của người dưới 18 tuổi, nếu cần thiết hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;

+ Hỏi thông tin về cha mẹ, người giám hộ của người dưới 18 tuổi để liên lạc với cha mẹ, người giám hộ nếu cần thiết. Trường hợp cha mẹ, người giám hộ là người bị tố giác, người có hành vi xâm hại người dưới 18 tuổi hoặc việc liên lạc với cha mẹ, người giám hộ sẽ không phù hợp với lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi thì liên lạc với cơ quan, tổ chức bảo vệ quyền cho họ;

+ Người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỏi các thông tin cần thiết và giúp người dưới 18 tuổi điền vào đơn, sau đó để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn;

+ Kiểm tra giấy tờ chứng minh điều kiện trợ giúp pháp lý hoặc hướng dẫn người dưới 18 tuổi cung cấp các giấy tờ cần thiết nếu chưa có. Trong một số trường hợp người tiếp nhận, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý nên chủ động liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác minh, tránh yêu cầu họ cung cấp;

Trong trường hợp không thể xác minh được thì người tiếp nhận hướng dẫn người dưới 18 tuổi hoặc người thân thích của người đó cung cấp.

**- Trả lời ngay cho người được trợ giúp pháp lý**

+ Thông tin cho họ ngay về đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan. Cần giải thích, hướng dẫn chi tiết, cụ thể để giảm tối đa trường hợp người dưới 18 tuổi phải đi lại nhiều lần để yêu cầu trợ giúp pháp lý;

+ Đối với những vướng mắc pháp luật đơn giản thì hướng dẫn, giải đáp, cung cấp thông tin pháp luật ngay cho họ bằng ngôn ngữ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm dễ hiểu, dễ làm theo.

→ *Đối với trường hợp người dưới 18 tuổi yêu cầu trợ giúp pháp lý cùng với cha mẹ hoặc người giám hộ*

- Các kỹ năng trong giao tiếp, trong kiểm tra điều kiện thụ lý,.. tương tự như trường hợp người dưới 18 tuổi tự mình đến yêu cầu trợ giúp pháp lý ở trên;

- Cần hỏi người dưới 18 tuổi có mong muốn cha mẹ hoặc người giám hộ cùng dự buổi nói chuyện không?

+ Nếu người dưới 18 tuổi không muốn buổi tiếp có cha mẹ, người giám hộ cùng tham dự thì cần giải thích cho cha mẹ, người giám hộ hiểu và sẽ trao đổi riêng với người đó sau buổi tiếp; cần lưu ý những thông tin hoặc vấn đề nào sẽ trao đổi với cha mẹ hoặc người giám hộ để không ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ.

+ Nếu người dưới 18 tuổi muốn buổi tiếp có cha mẹ, người giám hộ thì khi giải thích hướng dẫn tại buổi tiếp cần hỏi lại cha mẹ, người giám hộ xem có ý kiến gì không? Và những gì người dưới 18 tuổi trình bày có đúng mong muốn của họ không? Người giám hộ có đề nghị gì thêm để bảo vệ quyền lợi cho người dưới 18 tuổi không?...;

→ *Đối với trường hợp người dưới 18 tuổi yêu cầu trợ giúp pháp lý thông qua cha mẹ, người giám hộ*

- Các kỹ năng trong giao tiếp, trong kiểm tra điều kiện thụ lý,.. tương tự như trường hợp người dưới 18 tuổi tự mình đến yêu cầu trợ giúp pháp lý ở trên;

- Đọc đơn yêu cầu để hiểu rõ yêu cầu trợ giúp pháp lý, mong muốn của người dưới 18 tuổi, nếu cần thiết hướng dẫn cha mẹ, người giám hộ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Cần hỏi cha mẹ, người giám hộ để tìm hiểu rõ hơn về mong muốn của người dưới 18 tuổi;

- Liên lạc với người dưới 18 tuổi có yêu cầu trợ giúp pháp lý để khẳng định lại những gì yêu cầu là mong muốn của chính họ.

*\* Tiếp nhận Yêu cầu trợ giúp pháp lý được nộp qua dịch vụ bưu chính:*

**Các biện pháp mà người tiếp nhận có thể lưu ý áp dụng:**

- Kiểm tra các tài liệu yêu cầu trợ giúp pháp lý được gửi qua đường bưu chính;

- Liên lạc với người dưới 18 tuổi hoặc cha mẹ hay người giám hộ của họ (*Trường hợp cha mẹ, người giám hộ là người bị tố giác, người có hành vi xâm hại người dưới 18 tuổi hoặc việc liên lạc với cha mẹ, người giám hộ sẽ không phù hợp với lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi thì liên lạc với cơ quan, tổ chức bảo vệ quyền cho họ*) để thông tin về việc tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý (hồ sơ yêu cầu, nội dung yêu cầu,...), đồng thời thông báo cho họ Hồ sơ có đủ

điều kiện thụ lý hay không? hoặc hướng dẫn họ cung cấp các giấy tờ tài liệu cần thiết (nếu có);

- Hẹn gặp họ để tìm hiểu thêm yêu cầu trợ giúp pháp lý của họ, đặc biệt là việc tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng;

- Khi gặp, cần chú ý đến các lưu ý tương tự như tiếp người dưới 18 tuổi tại trụ sở nêu ở phần trên.

*\* Tiếp nhận Yêu cầu trợ giúp pháp lý được nộp qua fax, hình thức điện tử:*

- Kiểm tra các tài liệu yêu cầu trợ giúp pháp lý nhận được;

- Liên lạc với người đượctrợ giúp pháp lý để thông tin về việc tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý (hồ sơ yêu cầu, nội dung yêu cầu,...), đồng thời thông báo cho họ Hồ sơ có đủ điều kiện thụ lý hay không?

+ Nếu đủ: hẹn gặp họ để hoàn thiện việc thụ lý vụ việc;

+ Nếu chưa đủ: hướng dẫn họ cung cấp các giấy tờ tài liệu cần thiết (nếu có) và hẹn gặp họ để thực hiện thụ lý vụ việc;

- Khi gặp, cần chú ý đến các lưu ý tương tự như tiếp người dưới 18 tuổi tại trụ sở nêu ở phần trên.

*\* Tiếp nhận Yêu cầu trợ giúp pháp lý do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến:*

**Khoản 1 Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự:** cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho người dưới 18 tuổi.

**Khoản 2 Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự:** Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu hoặc đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý;

### **Khoản 3 Điều 31 Luật Trợ giúp pháp lý**

Trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của người bị bắt, người bị tạm giữ hoặc trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của bị can, bị cáo, người bị hại là người đượctrợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về tố tụng, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại địa phương. Ngay sau khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm thụ lý theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật này và cử người thực hiệnrợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC.

**\* Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và Người tiếp nhận lưu ý một số quy định sau:**

- Cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý:

+ Thời điểm giải thích: Tại thời điểm bắt, tạm giữ người, lấy lời khai, hỏi cung bị can, lấy lời khai của người bị hại, lấy lời khai của đương sự, đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án hoặc Tại thời điểm gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo thụ lý đơn yêu cầu đối với vụ việc tố tụng dân sự, vụ việc tố tụng hành chính;

- Cách thức giải thích: chuyển cho người được trợ giúp pháp lý đọc Bản thông tin về người được trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 01. Trường hợp họ không tự đọc được thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo cho họ biết.

- Trường hợp người được trợ giúp pháp lý tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý:

+ Giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật về tố tụng;

+ Việc giải thích phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ, bằng ngôn ngữ dễ hiểu để họ hiểu rõ về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí..

- ✓ Giải thích trong hình sự:
  - Cách thức: được thực hiện bằng cách đọc, hướng dẫn cụ thể nội dung và điền thông tin vào Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí của người bị buộc tội, người bị hại, đương sự là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý;
  - Biên bản giải thích được lưu tại hồ sơ vụ án.
- ✓ Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, người tiến hành tố tụng giải thích cho đương sự về quyền được trợ giúp pháp lý;

***Lưu ý: Trường hợp người được trợ giúp pháp lý dưới 18 tuổi:***

+ *Việc giải thích được thực hiện tại tất cả các giai đoạn tố tụng, không phân biệt đối tượng ở giai đoạn trước đã được giải thích hay chưa.*

+ *Hướng dẫn người thuộc diện viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và chuyển đến Trung tâm, Chi nhánh cùng với thông báo.*



- Cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý cho Trung tâm trợ giúp pháp lý:

+ Thông báo: Sau khi được giải thích, đối tượng tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý và có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì Cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm ghi vào biên bản tố tụng để lưu tại hồ sơ vụ án thì thông báo cho Trung tâm, Chi nhánh để thực hiện các quy định về trợ giúp pháp lý.

+ Thông tin: Đối tượng tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý và chưa có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì Cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông tin cho Trung tâm, CN biết để thực hiện các quy định về trợ giúp pháp lý.

- Trường hợp chỉ định người bào chữa: Nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan, người tiến hành tố tụng đề nghị Trung tâm, Chi nhánh cử ngay người thực hiện trợ giúp pháp lý bào chữa cho họ.

### **Các biện pháp mà Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể áp dụng**

- Khi nhận được thông báo, thông tin của các cơ quan tiến hành tố tụng, Tổ chức trợ giúp pháp lý cần cử người tiếp cận ngay với người dưới 18 tuổi để tiếp tục giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Có thể đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp thêm một số giấy tờ để chứng minh thuộc diện trợ giúp pháp lý để tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi;

- Cần đặc biệt lưu ý đến các trường hợp thụ lý ngay theo quy định của pháp luật;

#### ***Quy định về các trường hợp thụ lý ngay***

1. Thời hiệu khởi kiện của vụ việc còn dưới 05 ngày làm việc;
2. Ngày xét xử theo quyết định đưa vụ án ra xét xử còn dưới 05 ngày làm việc;
3. Các trường hợp chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;
4. Các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật trợ giúp pháp lý mà cơ quan tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm;
5. Các trường hợp để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý do người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp

- Người được cử người liên lạc và gặp gỡ ngay với người dưới 18 tuổi. Khi gặp gỡ thì cần nắm rõ các lưu ý đối với người tiếp nhận tương tự như trong trường hợp Tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý được nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đã đề cập ở trên;

- Khi nhận được thông báo, thông tin của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý đối với người bị buộc tội, người bị hại, đương sự;

- Thông tin lại cho cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến biết nếu họ không thuộc diện được trợ giúp pháp lý hoặc không có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

### **5. Thụ lý, từ chối thụ lý yêu cầu trợ giúp pháp lý và phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi.**

#### **\* Khoản 1, 3 Điều 30 Luật trợ giúp pháp lý**

1. Yêu cầu trợ giúp pháp lý chỉ được thụ lý khi có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 7 và phù hợp với quy định của Luật này.

3. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối thụ lý và thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người yêu cầu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Yêu cầu trợ giúp pháp lý không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Yêu cầu trợ giúp pháp lý có nội dung trái pháp luật;
- c) Người được trợ giúp pháp lý đã chết;
- d) Vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác thụ lý, giải quyết.

#### **\* Khoản 1 Điều 6 Thông tư 12/2018**

1. Các trường hợp thụ lý ngay theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật Trợ giúp pháp lý bao gồm:

- a) Thời hiệu khởi kiện của vụ việc còn dưới 05 ngày làm việc;
- b) Ngày xét xử theo quyết định đưa vụ án ra xét xử còn dưới 05 ngày làm việc;
- c) Các trường hợp chỉ định người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Trợ giúp pháp lý mà cơ quan tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm;
- d) Các trường hợp để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý do người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý quyết định.

**\* Điều 31, 32, 33 Luật Trợ giúp pháp lý:**

*a) Tham gia tố tụng*

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc;

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm thụ lý trong trường hợp người được trợ giúp pháp lý là người bị bắt, người bị tạm giữ yêu cầu cử người thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Ngay sau khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm thụ lý và cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

*b) Tư vấn pháp luật*

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý, có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người được trợ giúp pháp lý;

- Hướng dẫn, giải đáp, cung cấp thông tin pháp luật ngay cho người được trợ giúp pháp lý khi yêu cầu trợ giúp pháp lý là vướng mắc pháp luật đơn giản.

*c) Đại diện ngoài tố tụng*

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc.

**Yêu cầu:**

- Bảo đảm quyền thông tin cho người dưới 18 tuổi;
- Bảo vệ tối đa quyền của người dưới 18 tuổi trong lựa chọn người thực hiện trợ giúp pháp lý ;
- Người thực hiện trợ giúp pháp lý có năng lực, có kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi;
- Bảo mật và riêng tư; An toàn cho người dưới 18 tuổi;
- Thực hiện nhanh chóng, kịp thời, thuận lợi tránh phiền hà cho người dưới 18 tuổi.

**\* Trường hợp từ chối thụ lý:**

**Các biện pháp mà Người tiếp nhận có thể lưu ý áp dụng:**

- Dùng ngôn ngữ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm dễ hiểu để giải thích cho người vị thành niên về lý do từ chối thụ lý :

- + Họ không thuộc diện trợ giúp pháp lý khi yêu cầu trợ giúp pháp lý;
- + Yêu cầu trợ giúp pháp lý không liên quan trực tiếp đến họ;
- + Yêu cầu trợ giúp pháp lý có nội dung trái pháp luật;
- + Họ đã yêu cầu tổ chức khác thực hiện cho họ.

- Sau khi giải thích lý do từ chối, người tiếp nhận cần hỏi lại họ xem họ có hiểu không? Có thắc mắc gì không? Đồng thời cũng cần thông tin cho họ về quyền khiếu nại, tố cáo trong trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ viết đơn khiếu nại nếu họ có nhu cầu;

- Sau khi tiến hành tất cả các công việc trên thì mới tham mưu cho người đứng đầu Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để có văn bản thông báo rõ lý do cho họ.

**\* Trường hợp thụ lý, phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em, người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi:**

**Các biện pháp mà Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể áp dụng**

- Cần cân nhắc kỹ các trường hợp thụ lý ngay theo quy định để tiến hành thực hiện thụ lý ngay;

- Các trường hợp khác cần thụ lý ngay trong ngày khi đủ điều kiện thụ lý theo quy định;

- Cử ngay người thực hiện trợ giúp pháp lý nếu họ có yêu cầu đích danh người đó.

**Các biện pháp mà Người tiếp nhận có thể lưu ý áp dụng**

- Khi dự kiến phân công người thực hiện (đặc biệt là trong vụ việc tham gia tố tụng) người tiếp nhận cần thực hiện:

+ Nhắc lại quyền lựa chọn người thực hiện trợ giúp pháp lý cho họ nghe;

+ Đưa cho họ đọc danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn địa phương. Nếu cần thiết, có thể tư vấn cho người được trợ giúp pháp lý về năng lực, trình độ, uy tín của người thực hiện trợ giúp pháp lý, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm làm việc, thực hiện những vụ việc cho người dưới 18 tuổi;

+ Hỏi họ xem có lựa chọn ai trong danh sách không?

++ Nếu họ lựa chọn thì đề xuất lãnh đạo Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người đó thực hiện cho họ;

++ Nếu họ không lựa chọn, người tiếp nhận dự kiến 01 người thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp nhất để dự kiến đề xuất người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử và hỏi xem họ có đồng ý không? Chỉ đề xuất khi họ đồng ý hoặc không có ý kiến gì về người thực hiện.

- Đối với người được trợ giúp pháp lý là người dưới 18 tuổi thì nên cử người ngay cho họ, chỉ để hết thời hạn 03 ngày trong trường hợp bất khả kháng.

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý sau khi được phân công cần đăng ký bảo chữa, bảo vệ sớm để bắt tay vào thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời.

#### **4. Thay đổi người thực hiện, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý**

##### **Quy định:**

**\* Điểm c khoản 1 Điều 37 của Luật Trợ giúp pháp lý**

c) Người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**\* Điều 9 Thông tư 12/2018: Yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý**

1. Người được trợ giúp pháp lý có căn cứ cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp không được tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật trợ giúp pháp lý thì làm đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, Chi nhánh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, Chi nhánh có trách nhiệm trả lời người được trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Trợ giúp pháp lý.

2. Người được trợ giúp pháp lý có nguyện vọng rút yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 của Luật trợ giúp pháp lý thì làm đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc Chi nhánh hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý. Khi nhận được đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc Chi nhánh hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trả lời ngay bằng văn bản về việc không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

### **Yêu cầu:**

- Bảo đảm quyền thông tin cho người dưới 18 tuổi
- Bảo vệ tối đa quyền của người dưới 18 tuổi trong lựa chọn người thực hiện trợ giúp pháp lý;
- Người thực hiện trợ giúp pháp lý có năng lực, có kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi
- Bảo mật và riêng tư; An toàn cho người dưới 18 tuổi;
- Thực hiện nhanh chóng, kịp thời, thuận lợi tránh phiền hà cho người dưới 18 tuổi;
- *Trường hợp thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý:*

### **Các biện pháp mà người thực hiện trợ giúp pháp lý bị thay đổi có thể lưu ý áp dụng:**

- + Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần trực tiếp gặp người dưới 18 tuổi giải thích cụ thể lý do cho họ hiểu việc không tiếp tục thực hiện là lý do khách quan, tránh để người dưới 18 tuổi hiểu nhầm và mất lòng tin về trợ giúp pháp lý;
- + Thông tin, giải thích cho người dưới 18 tuổi về người thực hiện mới sẽ tiếp tục công việc mình đang làm và động viên họ tin tưởng vào công tác trợ giúp pháp lý;
- + Nhắc lại quyền lựa chọn người thực hiện trợ giúp pháp lý cho họ nghe
- + Đưa cho họ đọc danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn địa phương? Nếu cần thiết, có thể tư vấn cho người được trợ giúp pháp lý về năng lực, trình độ, uy tín của người thực hiện trợ giúp pháp lý, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm làm việc, thực hiện những vụ việc cho người dưới 18 tuổi;
- + Hỏi họ xem có lựa chọn ai trong danh sách không?
- ++ Nếu họ lựa chọn thì đề xuất lãnh đạo Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người đó thực hiện cho họ;
- ++ Nếu họ không lựa chọn thì xuất người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử 01 người thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp nhất để tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý;
- + Nên có biên bản làm việc với người được trợ giúp pháp lý về việc thay đổi, không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý.

### **Các biện pháp mà người thực hiện trợ giúp pháp lý được cử thay thế có thể lưu ý áp dụng**

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý sau khi được phân công cần đăng ký bào chữa, bảo vệ sớm để bắt tay vào thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời;
- Bảo đảm quyền thông tin cho người dưới 18 tuổi;
- Bảo mật thông tin về vụ việc và An toàn cho người dưới 18 tuổi;
- Thực hiện nhanh chóng, kịp thời, thuận lợi tránh phiền hà cho người dưới 18 tuổi.

### **Các biện pháp mà Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể áp dụng:**

- Đối với người được trợ giúp pháp lý là người dưới 18 tuổi thì nên cử người khác thay thế ngay để duy trì lòng tin với người được trợ giúp pháp lý, chỉ để hết thời hạn 03 ngày trong trường hợp bất khả kháng.
- Thông báo, thông tin kịp thời cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng (đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng hình sự) để kịp thời đăng ký bào chữa, bảo vệ.

#### ***- Trường hợp họ rút yêu cầu trợ giúp pháp lý***

### **Các biện pháp mà người thực hiện trợ giúp pháp lý cần áp dụng:**

- + Cần tìm hiểu kỹ nguyên nhân họ rút yêu cầu trợ giúp pháp lý là gì?
- + Dùng ngôn ngữ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm dễ hiểu để giải thích, phân tích cho người vị thành niên về những lý do rút yêu cầu mà họ đưa ra;
- + Hướng dẫn, giải thích rõ cho họ về những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra nếu họ rút yêu cầu trợ giúp pháp lý như: quyền lợi ích hợp pháp của họ có thể không được bảo đảm; họ sẽ mất tiền để mời luật sư khác,....

### **Các biện pháp Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể áp dụng:**

- Ngược lại với trường hợp không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần thận trọng trong việc quyết định không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý cho họ, chỉ quyết định khi đã giải thích, hướng dẫn rõ ràng mà họ vẫn muốn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý;
- Trường hợp đã rút yêu cầu trợ giúp pháp lý nhưng sau 01 thời gian họ lại tiếp tục yêu cầu trợ giúp pháp lý, thì tổ chức trợ giúp pháp lý cần dành sự ưu tiên cho họ trong một số hoạt động nghiệp vụ như: kiểm tra điều kiện thụ lý, cử người trước đây đã từng thực hiện cho họ (nếu họ chọn),...;

- Thông báo ngay cho cơ quan tiến hành tố tụng (đặc biệt là những vụ án hình sự) về việc người được trợ giúp pháp lý là trẻ em, người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi rút yêu cầu để họ chỉ định người bào chữa khác.



**PHỤ LỤC 01**  
**TỔNG HỢP MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**  
**LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI**

	<b>Các quyền của người dưới 18 tuổi</b>	<b>Điều, Khoản quy định</b>
<b>Hiến pháp</b>	Mọi người bình đẳng trước pháp luật	Khoản 1 Điều 16 Hiến pháp 2013
	Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.	Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp 2013
	Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.  Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.	Điều 21 Hiến pháp 2013
	- Quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân	Điều 30 Hiến pháp 2013
	Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác.  Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.	Điều 32 Hiến pháp
	Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em	Khoản 1, Điều 37

	Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu.	Điều 35
<b>Dân sự</b>	Mọi cá nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.	Khoản 1 Điều 3 BLDS 2015
	Các quyền về nhân thân	Điều 25 đến điều 39 Bộ Luật dân sự 2015
	Quyền được giám hộ	Điều 46 đến Điều 63 Bộ luật dân sự 2015
	Quyền có nơi cư trú	Điều 41 Bộ luật dân sự 2015
	Quyền thừa kế	Chương XXI, XXII, XXIII, XXIV Bộ luật dân sự 2015
	Trẻ em có quyền có tài sản, quyền thừa kế theo quy định của pháp luật. Tài sản riêng của trẻ em bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của trẻ em, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của trẻ em và thu nhập hợp pháp khác. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của trẻ em cũng là tài sản riêng của trẻ em. Cha mẹ có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo quản lý, bảo vệ, định đoạt tài sản riêng của trẻ em.	
	Năng lực chủ thể của người dưới 18 tuổi	Điều 21 Bộ luật dân sự 2015
	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại	Điều 599 Bộ luật dân sự 2015
<b>Bộ Luật Tố tụng</b>	Bảo vệ quyền trẻ em thông qua các quy định riêng đối với NCTN khi tham gia các quan hệ tố tụng dân sự.	

<b>Dân sự</b>	Đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người dưới 18 tuổi, trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự thì Thẩm phán, Thẩm tra viên được Chánh án Tòa án phân công phải thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán có thể tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án.	Khoản 3 Điều 208 BLTTDS
	Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên, trường hợp cần thiết có thể mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chứng kiến, tham gia ý kiến.	Khoản 3 Điều 208 BLTTDS
<b>Hộ tịch</b>	Đăng ký khai sinh cho trẻ em không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm. Những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đăng ký khai sinh cho trẻ em. Nhà nước đảm bảo quyền được đăng ký khai sinh cho trẻ em.	Điều 13 đến Điều 16 Luật Hộ tịch
	Công chức tư pháp - hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc đăng ký khai sinh cho trẻ em trên địa bàn trong thời hạn quy định; trường hợp cần thiết thì thực hiện đăng ký khai sinh lưu động.	Khoản 2 Điều 15 Luật Hộ tịch
<b>Hôn nhân gia đình</b>	Người dưới 18 tuổi được Luật Hôn nhân và gia đình đặt ở một vị trí trung tâm, việc bảo vệ những đối tượng này được xác định và ghi nhận là một nguyên tắc	Điều 2 Luật HNGĐ.
	Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên	Điều 68 Luật HNGĐ

	Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội; Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự	Điều 69 Luật HNGĐ
	Người dưới 18 tuổi có quyền có tài sản của con đồng thời quy định cả trách nhiệm quản lý tài sản thuộc sở hữu của người con chưa thành niên	Điều 75, Điều 76, Điều 77 Luật HNGĐ
	Hạn chế quyền chia tài sản chung khi ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của gia đình; quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;	Khoản 1 Điều 42 Luật HNGĐ 2014
	Người dưới 18 tuổi trong những trường hợp nhất định còn có quyền được nhận trách nhiệm cấp dưỡng từ những người thân trong gia đình của mình như anh chị, ông bà nội ngoại	Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.
	Trẻ em được làm con nuôi từ 16 tuổi trở xuống và người nuôi phải hơn trẻ 20 tuổi trở lên v.v..	
<b>Lao động</b>	Bộ luật lao động 2012 quy định riêng đối với lao động chưa thành niên từ điều 161 - điều 165 mục 1 Chương XI.	
	Quy định cấm nhận cấm nhận lao động là trẻ em dưới 13 tuổi và chỉ cho phép người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ lao động thương binh – xã hội quy định.	Khoản 1, Điều 164, Bộ luật Lao động năm 2012.
	Quy định xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm quy định của Bộ luật lao động về lao động chưa thành niên	Chương XVI, Điều 239 Bộ luật lao động

<b>Hình sự</b>	<p>Người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm;</p> <p>Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304.</p> <p>Người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 12 Bộ luật hình sự;</p> <p>Tội cố ý gây thương tích (Điều 134); Tội ngược đãi hoặc hành hạ con, cháu... (Điều 185); Tội hành hạ người khác (Điều 140); ...</p>
	<p>Bộ luật hình sự có chính sách hình sự riêng đối với người dưới 18 tuổi nhằm bảo vệ người dưới 18 tuổi khi họ là đối tượng bị tội phạm xâm hại, đồng thời cũng quy định trách nhiệm hình sự nhưng theo hướng giảm nhẹ đối với người dưới 18 tuổi khi họ chính là người thực hiện tội phạm.</p>	
<b>Tổ tụng hình sự</b>	<p>Quy định về Chi định người bào chữa trong trường hợp Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi</p>	Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự
	<p>Bộ Luật Tố tụng Hình sự quy những điều luật cụ thể nhằm đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự được khái quát, toàn diện và đúng pháp luật, tránh làm oan người vô tội.</p>	Chương XXVIII Bộ Luật Tố tụng Hình sự
	<p>Thứ nhất, về việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại</p>	Khoản 2,3 Điều 417
	<p>Thứ hai, quy định về trách nhiệm giám sát đối với người bị buộc tội</p>	Điều 418
	<p>Thứ ba, quy định chặt chẽ các căn cứ, điều kiện nhằm hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.</p>	Điều 419 BLTTHS 2015
	<p>Thứ tư, tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức</p>	Điều 4209 BLTTHS 2015
	<p>Thứ năm, quy định chặt chẽ các thủ tục lời khai, hỏi cung, đối chất để bảo vệ người dưới 18 tuổi tránh bị xâm hại</p>	Điều 421 BLTTHS 2015

	Thứ sáu, về quyền bào chữa: Nhằm đảm bảo sự cụ thể, chặt chẽ về thủ tục, trình tự bào chữa đối với người dưới 18 tuổi	Điều 422 BLTTHS 2015
	Thứ bảy, quy định chặt chẽ thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi	Điều 423 BLTTHS 2015
<b>Xử phạt hành chính</b>	Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính	Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012
	Người dưới 18 tuổi vi phạm có thể bị áp dụng Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	Điều 90, 92, 94 Luật xử lý vi phạm hành chính
	Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 có 01 phần quy định riêng đối với người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính. Trong đó đưa ra các nguyên tắc: - Việc xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.	Phần V, Luật xử lý vi phạm hành chính

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình xem xét xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng chỉ được áp dụng khi xét thấy không có biện pháp xử lý khác phù hợp hơn;</li> <li>- Việc xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính còn căn cứ vào khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, nguyên nhân và hoàn cảnh vi phạm để quyết định việc xử phạt hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính phù hợp;</li> <li>- Việc áp dụng hình thức xử phạt, quyết định mức xử phạt đối với người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính phải nhẹ hơn so với người thành niên có cùng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì không áp dụng hình thức phạt tiền. Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên; trường hợp không có tiền nộp phạt hoặc không có khả năng thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải thực hiện thay;</li> <li>- Trong quá trình xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính, bí mật riêng tư của người dưới 18 tuổi phải được tôn trọng và bảo vệ.</li> </ul>	
	<p>Phạt tiền từ 5 - 10 triệu đồng đối với các hành vi xâm phạm thân thể, gây tổn hại về sức khỏe đối với trẻ em</p>	<p><i>Điều 27 của Nghị định 144/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em</i></p>